# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 1](#_Toc92267912)

[DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 1](#_Toc92267913)

[I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI 2](#_Toc92267914)

[II. NỘI DUNG 3](#_Toc92267915)

[1. Khung lý thuyết 3](#_Toc92267916)

[2. Quan điểm của Đảng về chính sách tiền tệ 7](#_Toc92267917)

[3. Những vấn đề đặt ra 9](#_Toc92267918)

[4. Hạn chế và nguyên nhân 11](#_Toc92267919)

[5. Giải pháp hoàn thiện 12](#_Toc92267920)

[KẾT LUẬN 15](#_Toc92267921)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 17](#_Toc92267922)

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CSTT Chính sách tiền tệ

CPI Chỉ số giá tiêu dùng

NHNN Ngân hàng nhà nước

NHTM Ngân hàng thương mại

TCTD Tổ chức tín dụng

NHTW Ngân hàng trung ương

GDP *Gross Domestic Product* – Tổng sản phẩm quốc nội

# I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Chính sách tiền tệ là một chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô cực kì quan trọng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là nền kinh tế thị trường mở mà Việt Nam đang hướng đến. Chính sách tiền tệ có ảnh hưởng lớn đến các biến số vĩ mô như: công ăn việc làm, tốc đọ tăng trưởng, lạm phát… Ngoài ra , nó còn có nhiệm vụ tác động vào nhiều hướng nhằm: tạo ra đầu tư, tạo ra tiết kiệm và tạo ra sự ổn định tiền tệ, ổn định giá, ổn định tỷ giá hối đoái. Như vậy, chính sách tiền tệ góp phần vào sự thành công hay thất bại của sự phát triển kinh tế.

Ở Việt Nam, Chính sách tiền tệ và công cụ của nó đang từng bước hoàn thiện và phát huy tác dụng đối với nền kinh tế. Với đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam việc lựa chọn các công cụ nào và sử dụng nó ra sao ở các giai đoạn cụ thể của nền kinh tế luôn là một vấn đề thường xuyên phải quan tâm theo dõi và giải quyết đối với các nhà hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia, các nhà nghiên cứu kinh tế. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế như hiện nay thì việc nghiên cứu về chính sách tiền tệ là một vấn đề có ý nghĩa lý luận thực tiễn cao.

Việt Nam xác định mục tiêu tăng trưởng kinh tế - công bằng xã hội, vì vậy việc lựa chọn giải pháp để xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia có hiệu quả nhất vẫn là một vấn đề khó khăn và phức tạp**.** Cùng với chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ của Việt Nam đã góp phần quan trọng vào việc duy trì tốc độ tăng trưởng và ổn định của nền kinh tế. Mục tiêu của chính sách tiền tệ, theo Luật Ngân hàng Nhà nước, là nhằm ổn định giá trị của đồng tiền, kiềm chế lạm phát, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống của nhân dân. Trên cơ sở mục tiêu chung đó, những năm qua Ngân hàng Nhà nướcViệt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ khá linhhoạt, thông qua các công cụ chính sách như điều tiết cung tiền, chính sách tỷ giá, lãi suất,mđặt ra hạn mức tín dụng cho hệ thống ngân hàng thương mại, các công cụ gián tiếp như quy định dự trữ bắt buộc, tái cấp vốn, thị trường mở…

Tuy nhiên, cũng có những ý kiến cho rằng chính sách tiền tệ của Việt Nam chưa có tính dài hạn, nhất quán mà đôi khi “giật cục”, chạy theo tình thế, gây ảnh hưởng đến các biến số kinh tế cũng như sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế. Các chính sách tiền tệ đưa ra có tác động chậm và không nhiều đến các biến số kinh tế, nghĩa là không đạt hiệu quả. Nhưng những ý kiến này thường không kèm theo nghiên cứu định lượng, phân tích xem tính hiệu quả của chính sách tiền tệ đối với các biến số này là như thế nào, nên tính thuyết phục không cao. Do đó, tác giả đã lựa chọn đề tài: “Chính sách tiền tệ trong quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay” làm đề tài tiểu luận.

# II. NỘI DUNG

## 1. Khung lý thuyết

Chính sách tiền tệ hay chính sách lưu thông tiền tệ là quá trình [quản lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3n_l%C3%BD) cung [tiền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n) của cơ quan quản lý tiền tệ thường là hướng tới một lãi suất mong muốn để đạt được những mục đích ổn định và tăng trưởng kinh tế - như kiềm chế [lạm phát](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1m_ph%C3%A1t), duy trì ổn định [tỷ giá hối đoái](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B7_gi%C3%A1_h%E1%BB%91i_%C4%91o%C3%A1i), đạt được [toàn dụng lao động](https://vi.wikipedia.org/wiki/To%C3%A0n_d%E1%BB%A5ng_lao_%C4%91%E1%BB%99ng) hay [tăng trưởng kinh tế](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C4%83ng_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng_kinh_t%E1%BA%BF). Chính sách tiền tệ bao gồm việc thay đổi các loại [lãi suất](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A3i_su%E1%BA%A5t) nhất định, có thể trực tiếp hay gián tiếp thông qua các [nghiệp vụ thị trường mở](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nghi%E1%BB%87p_v%E1%BB%A5_th%E1%BB%8B_tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_m%E1%BB%9F); quy định mức [dự trữ bắt buộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%E1%BB%B1_tr%E1%BB%AF_b%E1%BA%AFt_bu%E1%BB%99c); hoặc trao đổi trên [thị trường ngoại hối](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%8B_tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_ngo%E1%BA%A1i_h%E1%BB%91i)…

Chính sách tiền tệ là một bộ phận trong tổng thể hệ thống chính sách kinh tế của nhà nước để thực hiện việc quản lý vĩ mô đối vơi nền kinh tế nhằm đạt được những mục tiêu kinh tê-xã hội trong từng giai đoạn nhất định.

* **Chính sách tiền tệ theo nghĩa rộng:** Là chính sách điều hành toàn bộ khối lượng tiền trong nền kinh tế nhằm phân bổ một cách có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, cân đối kinh tế, trên cơ sở đó ổn định giá trị đồng tiền, là ổn định tiền tệ.
* **Chính sách tiền tệ theo nghĩa hẹp (nghĩa thông thường):** Là chính sách bảo đảm sao cho khối lượng tiền cung ứng tăng thêm trong một năm tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế và chỉ số lạm phát nhằm ổn định giá trị của đồng tiền, góp phần đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô.
* **Chính sách tiền tệ của ngân hàng Trung ương:** Là tổng thể tất cả các biện pháp, công cụ mà NHTW sử dụng nhằm điều tiết khối lượng tiền tệ, tín dụng, ổn định tiền tệ, góp phần đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô.
* **Chính sách tiền tệ quốc gia:** Là tổng thể các biện pháp của Nhà nước pháp quyền nhằm cung ứng đầy đủ các phương tiện [thanh toán](http://luanvanaz.com/su-ra-doi-cua-thanh-toan.html) cho nền kinh tế, trên cơ sở đó không ngừng ổn định giá trị đồng tiền quốc gia

Chúng ta có thể khẳng định rằng, nếu như chính sách tài chính chỉ tập trung vào thành phần. Kết cấu các mức chi phí thuế khóa của nhà nước, thì chính sách tiền tệ quốc gia lại tập trung vào mức độ khả năng thanh toán cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, bao gồm việc đáp ứng khối lượng cần cung ứng cho lưu thông, điều khiển hệ thống tiền tệ và khối lượng tín dụng đáp ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện và thúc đẩy hoạt động của thị trường tiền tệ, thị trường vốn theo những quỹ đạo đã định.

Chính sách tiền tệ có hai loại: Chính sách tền tệ mở rộng và chính sách tiền tệ thắt chặt. Tùy theo tình hình hoạt động của nền kinh tế và các mục tiêu kinh tế vĩ mô đã được đặt ra trong mỗi thời kì phát triển của nền kinh tế xã hội mà NHTW có thể thực hiện một trong hai chính sách đó.

* Chính sách tiền tệ mở rộng: Thực chất là NHTW mở rộng mức cung tiền trong nền kinh tế, làm cho lãi suất giảm xuống qua đó làm tăng tổng cầu, nhờ vậy mà quy mô của nền kinh tế được mở rộng, thu nhập tăng và tỷ lệ thất nghiệp giảm. Để mở rộng được mức cung tiền, thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng, NHTW có thể thực hiện một trong ba cách sau: mua vào trên thị trường chứng khoán, hạ thấp tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạ thấp mức lãi suất chiết khấu, hay thực hiện đông thời cả hai hoặc ba cách cùng lúc
* Chính sách tiền tệ thắt chặt: NHTW tác động nhằm giảm bớt mức cung tiền trong nền kinh tế, làm cho lãi suất trên thị trường tăng lên. Thông qua đó, nó thu hẹp được tổng cầu, làm mức giá chung giảm xuống. Thực thi chính sách này, NHTW sử dụng các biện pháp làm giảm mức cung tiền bằng cách: bán ra trên thị trường chứng khoán, tăng mức dự trữ bắt buộc, hoặc tăng lãi suất chiết khấu, kiểm soát khắt khe đối với các hoạt động tín dụng.

Thông thường chính sách tiền tệ thắt chặt được áp dụng khi nền kinh tế có mức tăng trưởng quá cao, nền kinh tế đó đang ở tình trạng “quá nóng”, lạm phát có nguy cơ bùng nổ. Trái lại chính sách tiền tệ mở rộng được áp dụng khi nền kinh tế suy thoái hoặc có mức tăng trưởng khá thấp.

**\* Nội dung của chính sách tiền tệ**

Trong cơ chế kinh tế thị trường, chinhs sách tiền tệ bao gồm ba thành phần cơ bản gắn liền với ba kênh dẫn nhập tiền vào lưu thông là:

* Chính sách tín dụng
* Chính sách ngoại hối
* Chính sách đối với ngân sách nhà nước

**Thứ nhất Chính sách tín dụng**

Thực chất chính sách tín dụng là cung ứng phương tiện thanh toán cho nền kinh tế, thông qua các nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, dựa trên các quỷ cho vay được tạo lập từ nguồn tiền của xã hội và một hệ thống lãi suất mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với sự vận động của cơ chế thị trường.

**Thứ hai, chính sách ngoại hối**

Nhằm đảm bảo việc sử dụng hiệu quả các tài sản có giá trị thanh toán đối ngoại phục vụ cho việc ổn định tiền tệ, thúc đẩy tăng trưởng khinh tế bền vững và gia tăng việc làm trong xã hội, đảm bảo chủ quyền tiền tệ của đất nước.

**Thứ ba, chính sách đối với ngân sách nhà nước**

Nhằm đảm bảo phương tiện thanh toán cho chính phủ trong các trường hợp: ngân sách thiếu hụt, ngân sách cân bằng, ngân sách thặng dư.

- *Trường hợp ngân sách thiếu hụt*

Chênh lệch giữa thu và chi ngân sách sẽ có tác động khác nhau đến nền kinh tế tùy cách tài trợ số chênh lệch ấy. Có bốn cách để tài trợ thâm hụt ngân sách:

* Một là vay dân cư
* Hai là vay hệ thống tín dụng và thị trường tài chính trong nước
* Ba là vay NHTW
* Bốn là vay nước ngoài

Vay NHTW và vay của nước ngoài (bằng ngoại tệ) sẽ làm tăng mạnh khối tiền tệ, gây áp lực tiềm tàng về sau. Vay của dân cư và của các NHTM trong nước nguy cơ làm tăng khối tiên tệ nhẹ hơn. Áp lực lạm phát tại các nước đang phát triển mạnh hơn các nước có thu nhập cao là do các nước này chủ yếu sử dụng biện pháp vay NHTW bằng cách phát hành tiền trực tiếp và vay nợ nước ngoài.

*- Trường hợp ngân sách cân bằng*

Khi chính phủ thu thuế tức là đã lấy ra khi lưu thông một lượng tiền và chi trở lại số tiền ấy vào bộ máy kinh tế. Khối tiền tệ không thay đổivì nó được tăng giảm một ngạch số như nhau. Tuy nhiên, nó có thể thay đổi kết cấu giữa tiêu dùng và tiết kiệm. Trong khi đó, chính phủ phải dùng số thuế thu được một phần trợ cấp cho những người có thu nhập thấp thì số tiêu dùng chung lại gia tăng, số đầu tư giảm và kết quả là có thể làm tăng vật giá. Nếu nhà nước dùng số chi ngân sách để đầu tư thì đầu tư nhà nước tăng lên, đầu tư chung không đổi. Lưu ý hai trường hợp:

* Thứ nhất: Nếu chính sách tiền tệ chống lạm phát, ngân sách thăng bằng vẫn có thể tác dụng ngược với chính sách tiền tệ nhằm chống suy thoái.
* Thứ hai: Trường hợp chính sách tiền tệ nằm chống suy thoái ngân sách thăng bằng vẫn có thể chuyển dịch thu nhập tiền tệ theo hướng góp phần chống suy thoái bằng cách làm tăng mức tiêu thụ.

- *Trường hợp ngân sách thặng dư*

Đây là trường hợp rất quý và nó là ước mơ chung cảu mọi quốc gia vì nó rút tiền bởi tiền tệ dư thừa, tác động và có lợi cho mối tương quan giữa tổng cung và tổng cầu tiền tệ.

## 2. Quan điểm của Đảng về chính sách tiền tệ

Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010 quy định: “Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra”. Định hướng điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2021: Trên cơ sở mục tiêu của Quốc hội tại Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11/11/2020 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, NHNN xác định mục tiêu và các giải pháp lớn về điều hành chính sách tiền tệ năm 2021 như sau:“1. Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát: Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2021 bình quân khoảng 4%, hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần phục hồi tăng trưởng kinh tế, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

2. Nhiệm vụ cụ thể: Bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước và quốc tế để chủ động điều hành đồng bộ các công cụ và giải pháp phù hợp nhằm ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối, kiểm soát tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng theo định hướng đề ra. Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở phù hợp với diễn biến thị trường, hỗ trợ ổn định thị trường tiền tệ. Điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, diễn biến thị trường và mục tiêu chính sách tiền tệ, tạo điều kiện giảm chi phí vốn cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế. Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ; tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước khi điều kiện thị trường thuận lợi. Tái cấp vốn đối với TCTD để hỗ trợ thanh khoản, cho vay theo các chương trình, lĩnh vực đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hỗ trợ xử lý nợ xấu. Điều hành tín dụng theo chỉ tiêu định hướng, gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, xử lý nợ xấu. Thông báo và định kỳ rà soát, xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với từng TCTD trên cơ sở tình hình hoạt động, khả năng tài chính và khả năng tăng trưởng tín dụng lành mạnh, nhất là vào các lĩnh vực ưu tiên; trong đó ưu tiên TCTD giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Chỉ đạo TCTD tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán, các dự án BOT, BT giao thông; tăng cường quản lý rủi ro đối với cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, tín dụng tiêu dùng. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen. Hỗ trợ và tạo điều kiện để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tốt các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.Triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.”.

Chính sách tiền tệ là một trong những chính sách lớn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh COVID 19 hiện nay. Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là rất quan trọng. Việc xây dựng Chương trình hành động phải theo hướng “bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo” để triển khai đồng bộ, toàn diện, có lộ trình phù hợp, lựa chọn ưu tiên để thực hiện.

Trên cơ sở đó thì Đảng và Nhà nước ta nhận định đây là mục tiêu hàng đầu của chính sách tiền tệ dài hạn, trong qua trình thực nghiệm đã cho thấy ổn định giá cả là ổn định giá trị đồng tiền, ổn định sức mua, để đạt được điều đó NHTW đã đề ra chính sách tiền tệ ổn định giá cả. Ổn định giá cả có ý nghĩa hết sức quan trọng trong kinh tế vĩ mô và vì mô, giúp nhà nước hoặc định được phương hướng phát triển kinh tế một cách hiệu quả hơn vì loại trừ những biến động của giá cả, giúp môi trường đầu tư ổn định góp phần thứ hút vốn từ đầu tư nước ngoài, khai thác nguồn xã hội, thu thập đẩy doanh nghiệp cũng như cá nhân phát triển đem lại nguồn lợi cho cá nhân và doanh nghiệp toàn xã hội. Vì vậy, NHTW cần pahir góp phần duy trì tăng trưởng liên tục nhưng ổn định triệt tiêu những nhân tố gây nên tăng nhu cầu giả tạo để tăng chi phí lên cao.

## 3. Những vấn đề đặt ra

Mục tiêu lạm phát được đề ra trong năm 2015 ở mức 5% nhưng dự báo năm nay chỉ đạt khoảng 2% và nhiều khả năng dưới 1%. Chính sách tiền tệ đã có đóng góp quan trọng trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát cả năm ở mức thấp khoảng 1- 2%, đánh dấu thời kỳ ổn định lạm phát dài nhất trong một thập kỷ qua, đồng thời hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nhưng trong quý đầu 2016, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tăng mạnh. Mức lạm pháp giá tiêu dùng so với cùng kỳ năm ngoái là 1,25%. Mức này tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2015. Cụ thể: mức tăng giá tiêu dùng cao nhất là trong các lĩnh vực y tế (tăng 11,88% ) và trong giáo dục (tăng 3,63%), riêng trong tháng Ba, giá tiêu dùng tăng 1,69 phần trăm so với cùng kỳ năm 2015. đã điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ và ngoại hối, hỗ trợ phục hồi kinh tế trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Đồng thời, chỉ đạo các TCTD triển khai quyết liệt các biện pháp ứng phó với tác động của dịch; hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tháo gỡ khó khăn do covid-19, lũ lụt để sớm phục hồi sản xuất kinh doanh; tiếp tục triển khai quyết liệt công tác cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu. Nhờ đó, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh nhưng điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực trên các mặt hoạt động. Cụ thể: Đến ngày 18/12/2020, tổng phương tiện thanh toán M2 tăng 12,83% so với cuối năm 2019 và tăng 14,62% so với cùng kỳ 2019. Thanh khoản của hệ thống TCTD thông suốt.

Những diễn biến bất lợi của kinh tế toàn cầu đã có những tác động bất lợi đến tình hình kinh tế, tài chính, tiền tệ trong nước. Tăng trưởng kinh tế có xu hướng suy giảm, thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng hóa tồn kho ở mức cao, sức mua của dân chúng giảm, thị trường bất động sản đóng băng, lạm phát ở mức cao 18,13% năm 2011, các cân đối vĩ mô chưa đảm bảo, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thanh khoản thị trường trên thị trường tiền tệ mặc dù đã có những cải thiện nhất định nhưng còn căng thẳng, lãi suất tăng cao, tỷ giá tính ổn định còn thấp, thị trường vốn ảm đảm và hoạt động của hệ thống ngân hàng – trung gian tài chính trọng yếu trong nền kinh tế phải đối mặt với nhiều rủi ro lớn, nhiều doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoạt giải thể.

Nhìn lại nhiệm kỳ qua có thể thấy, nhiệm vụ nào ngành Ngân hàng đã hoạch định từ đầu nhiệm kỳ, đều kiên trì triển khai một cách bài bản với lộ trình phù hợp đến nay đều đạt được. Hay nói cách khác, những lời hứa với Đảng, Nhà nước, ngành Ngân hàng đã triển khai tích cực và đạt kết quả. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường càng hội nhập sâu thì vai trò, ý nghĩa của hệ thống ngân hàng ngày càng trở nên quan trọng. Xác định được điều này và thấy trước được khó khăn thách thức, từ đó mới đưa ra dự báo, hoạch định chính sách phù hợp, tổ chức triển khai thành công. Trong quá trình làm có thể còn nhiều khó khăn thách thức bên ngoài và nội tại; từ dư luận xã hội… nhưng nếu chúng ta không kiên định, bền gan… thì sẽ mất đi cả lộ trình lâu dài không những của Ngành mà còn của cả nền kinh tế.

## 4. Hạn chế và nguyên nhân

Tuy đạt được những thành quả nhất định, song kinh tế Việt Nam năm 2015 vẫn bộc lộ nhiều khó khăn và hạn chế như:

* Trước tiên là tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ hầu như không thay đổi và chậm lại, trong nông nghiệp.
* Dấu hiệu chững lại của lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ không chỉ cho thấy khó khăn của lĩnh vực này, mà còn cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam rất khó khăn, vẫn phải tiếp tục dựa vào công nghiệp.
* Ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid 19 đến nền kinh tế thế giới à Việt Nam
* Một số vấn đề về tài khóa như nợ công, bội chi ngân sách và nghĩa vụ trả nợ so với thu ngân sách đều tăng. Mặc dù được coi là vẫn trong giới hạn an toàn nhưntốc độ tăng nợ công nhanh và đã đến ngưỡng an toàn theo tính toán của các tổ chức quốc tế.
* Trong lĩnh vực Doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

\* Nguyên nhân

- Tình hình dịch bệnh Covid 19 tác động trực tiếp đến nền kinh tế

- Các chính sách pháp luật chưa linh hoạt

- Các doanh nghiệp trông chờ vào chính sách của nhà nước mà chưa thật sự chủ động tìm hướng đi và giải quyết của bản thân

## 5. Giải pháp hoàn thiện

Chính sách tiền tệ Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động và linh hoạt, giảm bớt biện pháp hành chính, hướng đến chính sách lạm phát mục tiều và một ngân hàng Trung ương hiện đại và độc lập hơn iện nay các lĩnh vực ưu tiên mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6-7% năm ( vay ngắn hạn) ; 9,3-11%/năm (vay trung và dài hạn) với các doanh nghiệp cí tình hình tài chính ổn định lành mạnh và mình bạch có phương án và dự án khả thi lai suất vay chỉ còn 5-6%/năm. Bên cạnh các khoản vay mới lãi suất thấp. NHNN cũng yêu cầu các tổ chức tin đưa lai suất các khoản vay cũ về mức 15%/năm sau đó 13%/năm, góp phần thao gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tạo điều kiện giải phóng kênh tín dụng.

Trong năm 2022 kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, nhưng còn nhiều chuyển biến phức tạp. Với độ mở cửa lớn, những chuyển biến kinh tế chính trị thế giới sẽ có tác động đan xem với cơ hội và thách thức trong nền kinh tế nói chung và ngân hàng trung ương nói riêng. Những kết quả tích cực trong diễn biến nền kinh tế vĩ mô, tiền tệ năm 2021 là điều kiện thuận lợi để nền kinh tế vĩ mô tiếp tục khởi sắc.

Tuy nhiên nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, chất lượng tăng trưởng hiệu suất thấp. Hiệu quả nền kinh tế phụ thuộc vào doanh nghiệp và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nợ xấu của các hệ thống tín dụng đã được tích cực xử lý trong thời gian qua nhưng vẫn còn ảnh hưởng đến hoạt động hệ thống ngân hàng và luân chuyển vốn trong nền kinh tế.

Tình hình này phải đòi hỏi chính sách tiền tệ phải hết sức chú trọng đảm bảo an toàn trong nền kinh tế vĩ mô cũng như đồng bộ thực hiện đầy đủ các giải pháp chính sách vĩ mô khác để xứ lý nợ.

Để đạt được mục tiêu trên, ngay từ đầu năm NHNN đã thực thi đồng bộ, linh hoạt các giải pháp CSTT, như: kiểm soát cung tiền ở mức hợp lý, đặc biệt là hoạt động tín dụng; Điều chỉnh lãi suất chính sách phù hợp với diễn biến của chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng để kịp thời giảm dần mặt bằng lãi suất tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, ban hành các quy định giám sát thận trọng đảm bảo an toàn hệ thống, quản lý hoạt động ngoại hối ổn định hướng tới giảm dần ngoại tệ hóa, vàng hóa trong nền kinh tế và hỗ trợ tích cực cho chính sách quản lý tiền đồng của NHNN, xây dựng và triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” (Đính kèm Phụ lục các chính sách điều hành của NHNN năm 2012 -2013).

\* Kiểm soát cung tiền ở mức hợp lý, mà nhất là tăng trưởng tín dụng nhằm kiềm chế lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Thực hiện đồng bộ các công cụ CSTT, trong đó thực hiện hạn mức tín dụng cùng với việc hạ thấp mặt bằng lãi suất thực sự đã mang lại những hiệu ứng tích cực đến kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế:

- Chính sách tín dụng được điều chỉnh phù hợp với diễn biến kinh tế góp phần kiềm chế lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

Mặt khác, đánh giá thực trạng của hệ thống ngân hàng cho thấy, mặc dù các sản phẩm dịch vụ khác đã phát triển tương đối đa dạng, song doanh thu hoạt động của các ngân hàng vẫn chủ yếu dựa vào hoạt động tín dụng, do vậy, để có lợi nhuận, không ít các NHTM, nhất là NHTM nhỏ mới thành lập đã đẩy mạnh cho vay vượt cả năng lực tài chính và khả năng quản trị…

Từ đó cho thấy, việc thực hiện biện pháp hạn mức tín dụng của NHNN là rất cần thiết và phù hợp trong bối cảnh đó. Đây là một công cụ tiền tệ trực tiếp, có tác động mạnh đến việc hạn chế tăng khối lượng tiền trong nền kinh tế, cũng như hướng các NHTM lựa chọn những dự án hiệu quả để đầu tư.

- NHNN đã có những điều chỉnh rất linh hoạt lãi suất trong điều hành CSTT, khi xuất hiện những diễn biến mới của tình hình, lãi suất bám sát diễn biến của chỉ số giá, hỗ trợ các doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn và củng cố niềm tin của xã hội đối với VND, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm mạnh.

\* Thực hiện các biện pháp bình ổn thị trường tiền tệ, tình trạng đô la hóa, vàng hóa đã được kiểm soát

Sự kết hợp đồng bộ nhịp nhàng các công cụ điều hành như OMO, điều hành đồng bộ lãi suất VND và ngoại tệ,…đã giúp cho việc tháo gỡ các nút thắt của thị trường tiền tệ một cách thuận lợi đem lại sự ổn định cho thị trường tiền tệ.

Để đảm bảo được tính ổn định bền vững của thị trường, ngoài các giải pháp điều hành trực tiếp, trong thời gian qua, NHNN cũng tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả điều hành CSTT.

NHNN cần tiếp tục duy trì, cải tiến và triển khai đồng bộ các giải pháp quan trọng như sau:

- Điều hành CSTT chặt chẽ, thận trọng và linh hoạt nhằm ổn định thị trường tiền tệ, đảm bảo khả năng thanh khoản của các TCTD; Thực hiện linh hoạt các công cụ CSTT để khuyến khích mở rộng tín dụng phục vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu, nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chỉ đạo của Chính phủ; Thực hiện quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường theo Nghị quyết của Chính phủ;

- Tính toán và xây dựng các kịch bản điều hành chính sách để đối phó với khả năng lạm phát gia tăng khi cầu phục hồi và giá cả các mặt hàng thuộc diện quản lý của Nhà nước tiếp tục thực hiện lộ trình tăng giá; đối phó với những diễn biến không thuận lợi có thể xảy ra đối với cán cân thanh toán trước những biến động của kinh tế khu vực và thế giới

- Quản lý thị trường ngoại hối và điều hành tỷ giá theo tín hiệu thị trường, phù hợp với quan hệ cung cầu ngoại tệ, diễn biến cán cân thanh toán quốc tế và các cân đối vĩ mô; tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước, bảo đảm giá trị đồng tiền Việt nam; theo dõi sát diễn biến và quản lý chặt chẽ thị trường vàng.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo thống kê tiền tệ nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin và ứng phó kịp thời với những biến động của nền kinh tế và thị trường tiền tệ;

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng;

- Tập trung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các văn bản hướng dẫn hai luật ngân hàng, Luật bảo hiểm tiền gửi, Luật phòng, chống rửa tiền và các văn bản triển khai theo đề án cơ cấu lại các TCTD,... nhằm xây dựng hệ thống pháp lý đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, minh bạch và bình đẳng cho các TCTD.

- Chủ động tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN về điều hành CSTT, tín dụng và hoạt động ngân hàng. Xây dựng chiến lược truyền thông chủ động và hiệu quả, đảm bảo thể hiện được quan điểm của NHNN trong việc hoạch định các chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển hướng tới các mục tiêu lớn của nền kinh tế.

# KẾT LUẬN

Chính sách tiền tệ có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng đối với nền kinh tế thị trường thế giới nói chung và Việt nam nói riêng. Chính sách tiền tệ là công cụ điều tiết nền kinh tế vĩ mô của nhà nước, nó tác động trực tiếp vào lĩnh vực lưu thông tiền tệ. Song nó cũng có quan hệ chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác như: chính sách tài khóa, chính sách thu nhập, chính sách kinh tế đối ngoại.

Kết quả thực tiễn cho thấy, chính sách tiền tệ mà chính phủ nước ta đã và đang đề ra là tương đối phù hợp với nền kinh tế hiện nay. Năm 2015, được đánh giá là năm thành công về điều hành chính sách tiền tệ, đã tạo sự ổn định cho kinh tế vĩ mônhờ vào những giải pháp điều hành linh hoạt và hiệu quả, NHNN đã rất thành công trong kiểm soát lạm phát, thay đổi tích cực về tín dụng và lãi suất, chính sách điều hành tỷ giá hợp lý. Hoạch định một chính sách tiền tệ đòi hỏi cả một quá trình, sự linh hoạt và sự thống nhất trong sự áp dụng trên thực tiễn trước bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay. Bằng sự nỗ lực hiện tại và trong trong tuơng lai, sự kế thừa và phát huy những thành tựu của chính sách tiền tệ, chắc chắn chính sách tiền tệ của Việt Nam sẽ đóng góp vai trò quan trọng trong việc xây dựng một đất nước Việt Nam giàu mạnh.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo điều tra của diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam.
2. Website của Ngân hàng Nhà nước, của Tổng cục Thống kê, trading economy, Bloomber, Fx Street.com;
3. Báo cáo của IMF, ADB, WB, HSBC, Nghị quyết kỳ họp thường kỳ của Chính phủ; Tài liệu hội nghị WEF Davos.
4. <http://www.sbv.gov.vn/portal/faces/vi/pages/apph/tcnh/tcnh_chitiet;jsessionid=GLPhXnfRg4XzTPy92JNlZ0mp2sQqWYk3FXRTkLrYSgMdZ92FpptM!-2083470669!107926062?dDocName=SBVWEBAPP01SBV079404&dID=81914&_afrLoop=31840765898799835&_afrWindowMode=0&_afrWindowId=null#%40%3FdID%3D81914%26_afrWindowId%3Dnull%26_afrLoop%3D31840765898799835%26dDocName%3DSBVWEBAPP01SBV079404%26_afrWindowMode%3D0%26_adf.ctrl-state%3Dhb5z883cp_4>